

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024**  
**nguồn ngân sách địa phương**

**ỦY BAN NHÂN TỈNH GIA LAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 (nguồn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 – 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương) của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Thông báo số 208/TB-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Tờ trình 1196/TTr-UBND ngày 20/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án sử dụng nguồn kinh phí tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 và nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 101 /TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 7 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

1. Điều chỉnh giảm vốn nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 189.749,408 tỷ đồng, cụ thể:

(1) Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: giảm 21.239 triệu đồng.

(2) Bố trí kinh phí xử lý hụt thu năm 2019, 2020 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: giảm 248,408 triệu đồng.

(3) Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: giảm 18.708 triệu đồng.

(4) Xử lý hụt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023: giảm 13.710 triệu đồng.

(5) Xử lý hụt thu các dự án năm 2019 – 2020: giảm 43.878 triệu đồng.

(6) Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai: giảm 35.000 triệu đồng.

(7) Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: giảm 9.044 triệu đồng (giảm 10.000 triệu đồng xuống còn 956 triệu đồng).

(8) Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: giảm 41.522 triệu đồng.

(9) Đường giao thông kết nối thị trấn Chư ty đến xã Ia Đơk, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai: giảm 6.400 triệu đồng.

2. Bổ sung vốn từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 là 76.296 triệu đồng cho các Chương trình, dự án sau:

(1) Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: 18.708 triệu đồng.

(2) Xử lý hụt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023: 13.710 triệu đồng.

(3) Xử lý các dự án hụt thu năm 2019 – 2020: 43.878 triệu đồng.

3. Bổ sung vốn từ nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh cho 01 dự án và Bố trí kinh phí xử lý hụt thu năm 2019, 2020 với số vốn: 31.487,408 triệu đồng. Gồm:

(1) Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: tăng 21.239 triệu đồng.

(2) Bố trí kinh phí xử lý hụt thu năm 2019, 2020 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 248,408 triệu đồng.

(3) Chi cho ngân hàng chính sách: 10.000 triệu đồng.

4. Điều chỉnh 1.433 triệu đồng vốn CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - số vốn kéo dài năm 2022, 2023 sang năm 2024, gồm ngân sách trung ương: 1.135 triệu đồng, ngân sách tỉnh 298 triệu đồng. Cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm vốn:

- Thị xã Ayun Pa điều chỉnh giảm: 450 triệu đồng, trong đó điều chỉnh giảm ngân sách trung ương 450 triệu đồng.

- Thành phố Pleiku điều chỉnh giảm 983 triệu đồng trong đó điều chỉnh giảm ngân sách trung ương 685 triệu đồng, ngân sách tỉnh 298 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng vốn

- Tăng vốn cho huyện Ia Grai: 1.433 triệu đồng (trong đó: số vốn kéo dài năm 2022, 2023 sang năm 2024 là 1.433 triệu đồng, gồm ngân sách trung ương: 1.135 triệu đồng, ngân sách tỉnh 298 triệu đồng).

(Có biểu số 01 và phụ lục 1, 2, 3, 3.1, 4 kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ vào kế hoạch điều chỉnh này, các chủ đầu tư dự án khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn Phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Kiểm toán nhà nước khu vực XII;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu VT, CNXD, NL, KGVX, KTTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Anh**

**Biểu 1**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số **335** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **7** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSĐP	Tổng số	Trong đó: NSĐP			Tổng số	Trong đó: NSĐP		
A	Bổ sung nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh										31.487,408	31.487,408	31.487,408		
I	Quốc phòng										21.239	21.239	21.239		
I	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đứrc Co, Ia Grai	7004686	2022-2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650				21.239	21.239	21.239	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
II	Bổ trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020										248,408	248,408	248,408		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới										248,408	248,408	248,408	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Có phụ lục 3 kèm theo
III	Cấp vốn điều lệ cho các NS chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài NS; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã										10.000	10.000	10.000		
I	Chi cho ngân hàng chính sách			2021-2025							10.000	10.000	10.000	Chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai	
B	Bổ sung nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023										76.296	76.296	76.296		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản										18.708	18.708	18.708		
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia										18.708	18.708	18.708	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Có phụ lục 1 kèm theo
II	Xử lý hạt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án năm 2019 - 2020										57.588	57.588	57.588		
I	Vốn chuẩn bị đầu tư										13.710	13.710	13.710		Có phụ lục 2 kèm theo
2	Các dự án hạt thu năm 2019 - 2020										43.878	43.878	43.878		Có phụ lục 3 kèm theo

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
C	Điều chỉnh giảm nguồn tiền sử dụng đất tính đầu tư							271.314	271.314	189.749,408	-	81.564,621	81.564,621		
I	Quốc phòng							21.239	21.239	21.239					
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	7004686	2022-2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	21.239	21.239	21.239		-	-	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
II	Hoạt động kinh tế							111.630	111.630	110.674	-	956	956		
II.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản							18.708	18.708	18.708					
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia							18.708	18.708	18.708		-	-	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Có phụ lục 1 kèm theo
II.2	Giao thông							92.922	92.922	91.966	-	956	956		
1	Đường giao thông huyện Chư Páh, tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Páh	7901775	2021-2024	489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90.000	90.000	35.000	35.000	35.000		-	-	UBND huyện Chư Páh	Điều chỉnh giảm vốn tương ứng với số vốn tăng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (tại Nghị quyết số 384/NQ-HĐND ngày 10/7/2024)
2	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Thị xã An Khê	7902699	2021-2024	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000	10.000	10.000	9.044		956	956	UBND thị xã An Khê	
3	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	7899027	2021-2024	486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 1062/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	124.000	124.000	41.522	41.522	41.522		-	-	UBND thành phố Pleiku	
4	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư ty đến xã Ia Đok, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Huyện Đức Cơ	7894833	2021-2024	470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 588/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 1041/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	59.000	59.000	6.400	6.400	6.400		-	-	UBND huyện Đức Cơ	
III	Xử lý hụt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án năm 2019 - 2020							138.445,029	138.445,029	57.836,408		80.608,621	80.608,621		
1	Vốn chuẩn bị đầu tư							13.710	13.710	13.710		-	-		Có phụ lục 2 kèm theo
2	Các dự án hụt thu năm 2019 - 2020							124.735,029	124.735,029	44.126,408		80.608,621	80.608,621		Điều chỉnh giảm vốn tương ứng với số vốn bổ sung từ nguồn tăng thu 43.878 triệu đồng và nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh là 248.408 triệu đồng. Có phụ lục 3 kèm theo

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
D	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu 2024 (Bao gồm nguồn 2022,2023 chuyển sang 2024)									1.433	1.433				
L	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kt-xh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024									1.433	1.433				Có phụ lục 4 chi tiết kèm theo

*[Handwritten signature]*

**Phụ lục 1**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGUỒN VỐN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HỤT THU, GIẢM VỐN NĂM 2023 VÀ BỔ TRÍ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 333 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐTV: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>18.708</b>	<b>18.708</b>	<b>18.708</b>	
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>18.708</b>	<b>18.708</b>	<b>18.708</b>	
1	Huyện Ia Grai	415	415	415	
2	Huyện Phú Thiện	1.274	1.274	1.274	
3	Huyện K'Bang	1.590	1.590	1.590	
4	Huyện Ia Pa	1.431	1.431	1.431	
5	Huyện Kông Chro	522	522	522	
6	Huyện Krông Pa	915	915	915	
7	Huyện Chư Prông	3.523	3.523	3.523	
8	Huyện Chư Păh	1.114	1.114	1.114	
9	Huyện Chư Sê	1.054	1.054	1.054	
10	Huyện Chư Puh	1.010	1.010	1.010	
11	Huyện Đak Đoa	1.470	1.470	1.470	
12	Huyện Đức Cơ	1.187	1.187	1.187	
13	Huyện Đak Pơ	1.031	1.031	1.031	
14	Huyện Mang Yang	1.718	1.718	1.718	
15	Thành phố Pleiku	20	20	20	
16	Thị xã An Khê	-	-	-	
17	Thị xã Ayun Pa	434	434	434	

**Phụ lục 2**

**BỔ TRÍ VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 ĐỂ XỬ LÝ HỤT THU VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ  
NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HỤT THU, BỔ TRÍ NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 333 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số						Trong đó: NSDP
	<b>Tiền sử dụng đất</b>					<b>1.244.000</b>	<b>1.236.000</b>	<b>13.710</b>	<b>13.710</b>	<b>13.710</b>	
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	2022-2025	10180/QĐ-BCH ngày 15/12/2021	51.650	51.650	1.530	1.530	1.530	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Xây dựng bệnh viện 331	Pleiku	2024-2026	326/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	300.000	300.000	1.840	1.840	1.840	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024	197/QĐ-SKHĐT ngày 27/9/2021	53.000	45.000	120	120	120	Sở Tài nguyên Môi trường	



STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số						Trong đó: NSDP
4	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	2023-2025	835/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	40.000	40.000	570	570	570	UBND huyện Ia Grai	
5	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ Trường Chính trị đến Trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2026	2340/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	160.000	160.000	1.140	1.140	1.140	UBND thành phố Pleiku	
6	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	2024-2026	37/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	940	940	940	UBND huyện Kông Chro	
7	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	2024-2026	287/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	80.000	80.000	530	530	530	UBND huyện Krông Pa	
8	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Chư Prông	2024-2026	1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	75.000	75.000	800	800	800	UBND huyện Chư Prông	

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số						Trong đó: NSDP
9	Đường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	2024-2026	1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	70.000	70.000	510	510	510	UBND huyện Đak Đoa	
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	2024-2026	240/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	70.000	70.000	1.580	1.580	1.580	UBND huyện Phú Thiện	
11	Đường liên xã huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	Đăk Pơ	2024-2026	1318/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	70.000	70.000	1.710	1.710	1.710	UBND huyện Đăk Pơ	
12	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	2024-2026	1099/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	66.000	66.000	580	580	580	UBND huyện Mang Yang	
13	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	2024-2026	212/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	60.000	60.000	570	570	570	UBND huyện Ia Pa	
14	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	2025-2026	1183/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	35.000	35.000	360	360	360	UBND huyện Đức Cơ	

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số						Trong đó: NSDP
15	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	2025-2026	244/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	35.000	35.000	390	390	390	UBND huyện Kbang	
16	Đường nội thị huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai	Chư Puh	2025-2026	56/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	230	230	230	UBND huyện Chư Puh	
17	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2025	324/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	310	310	310	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	

Phụ lục 3

**BỔ SUNG NGUỒN KINH PHÍ TIẾT KIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 ĐỂ XỬ LÝ CÁC DỰ ÁN HỤT THU NĂM 2019, 2020 BỔ TRÍ NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 333 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư tại Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Giảm kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Số kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất năm 2024 còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					Tổng số	Trong đó	Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh			Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023
				Tổng số	Trong đó: NSĐP									
	Bổ trí từ nguồn thu sử dụng đất năm 2024												Điều chỉnh giảm vốn tiền sử dụng đất bổ sung vốn tương ứng với số vốn bổ sung từ nguồn tăng thu 43.878 triệu đồng và nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh là 248.408 triệu đồng.	
I	Năm 2019					96.449,750	15.841,129	80.608,621	15.841,129	248,408	15.592,721			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					96.449,750	15.841,129	80.608,621	15.841,129	248,408	15.592,721	(1)	UBND thị xã Ayun Pa, UBND các huyện Chư Păh, Phú Thiện, Ia Pa, Đăk Pơ, Mang Yang, Đăk Đoa, Đức Cơ, Kông Chro, Chư Pưh, Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông, Krang	Có phụ lục 3.1 kèm theo
II	Năm 2020					28.285,279	28.285,279	-	28.285,279		28.285,279			
1	Kê chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	2012-2020	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412.009	64.988	235,292	235,292	-	235,292		235,292		UBND thị xã Ayun Pa	
2	Đường vào ba buôn xã Chư Đrăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39.100	39.100	4.687,560	4.687,560	-	4.687,560		4.687,560		UBND huyện Krông Pa	

STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư tại Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Giảm kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Số kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất năm 2024 còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					Tổng số	Trong đó			
				Tổng số	Trong đó: NSDP					Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023		
3	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150.000	122.608	1.474,380	1.474,380	-	1.474,380	1.474,380	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng		
4	Trường phổ thông DTNT huyện Đức Cơ (nay là trường THCS Dân tộc nội trú huyện Đức Cơ), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30.000	30.000	4.303,670	4.303,670	-	4.303,670	4.303,670	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng		
5	Nâng cấp Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kông Chro	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16.000	16.000	2.812,331	2.812,331	-	2.812,331	2.812,331	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng		
6	Trường THCS Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	2019-2020	128/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	14.990	14.990	3.000,000	3.000,000	-	3.000,000	3.000,000	UBND huyện Krông Pa		
7	Trường THPT Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 131/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2019	6.000	6.000	2.584,646	2.584,646	-	2.584,646	2.584,646	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng		
8	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Uar, huyện Krông Pa	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016; 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3.000	3.000	1.500,000	1.500,000	-	1.500,000	1.500,000	UBND huyện Krông Pa		
9	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đăk Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	400,000	400,000	-	400,000	400,000	UBND huyện Đăk Pơ		
10	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đăk Pơ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.000	3.000	350,000	350,000	-	350,000	350,000	UBND huyện Đăk Pơ		

STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư tại Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Giảm kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Số kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất năm 2024 còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn		Chủ đầu tư	Ghi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					Tổng số	Trong đó			Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023
				Tổng số	Trong đó: NSDP									
11	Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016; 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3.000	3.000	937,400	937,400	-	937,400	937,400	UBND huyện Phú Thiện			
12	Trường THCS Kpa Klơng xã Hà Báu, huyện Đak Đoa	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 154/QĐ-SKHĐT ngày 24/10/2019	12.000	12.000	4.300,000	4.300,000	-	4.300,000	4.300,000	UBND huyện Đak Đoa			
13	Trường THCS Kông Bờ La, xã Kông Bờ La, huyện Kbang	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5.000	5.000	1.700,000	1.700,000	-	1.700,000	1.700,000	UBND huyện Kbang			

*[Handwritten signature]*

## Phụ lục 3.1

BỔ SUNG VỐN ĐỀ THU HỒI TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 (tại Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023)	Giảm kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư còn lại	Bổ sung vốn			Ghi chú
					Tổng số	Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	<b>Tổng số</b>	<b>96.449,750</b>	<b>15.841,129</b>	<b>80.608,621</b>	<b>15.841,129</b>	<b>248,408</b>	<b>15.592,721</b>	
1	Thị xã Ayunpa	6.429,000	1.287,764	5.141,236	1.287,764	248,408	1.039,356	
2	Huyện Chư Păh	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
3	Huyện Phú Thiện	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
4	Huyện Ia Pa	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
5	Huyện Đăk Pơ	9.643,000	1.558,953	8.084,047	1.558,953		1.558,953	
6	Huyện Mang Yang	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
7	Huyện Đăk Đoa	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
8	Huyện Đức Cơ	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
9	Huyện Kông Chro	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
10	Huyện Chư Pưh	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
11	Huyện Chư Sê	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
12	Huyện Ia Grai	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
13	Huyện Chư Prông	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
14	Huyện KBang	32.163,750	5.199,809	26.963,941	5.199,809		5.199,809	

